

CÔNG BỐ THÔNG TIN TÓM TẮT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31/12/2024
(Đã được kiểm toán bởi: Cty TNHH kiểm toán và định giá Quốc tế IAV)

I/ Tên Doanh nghiệp : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CAO SU

- Tên giao dịch : RCI
- Mã số thuế: 0302 623 561
- Địa chỉ : 267 Điện Biên Phủ, P Võ Thị Sáu, Q3, TP.HCM

- Vốn điều lệ : 180.000.000.000 đồng

II/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

Đơn vị: 1000đ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tỉ lệ%
1	Tổng doanh thu từ SXKD	196.033.643	305.714.671	64,1%
	Trong đó : + Xây lắp + KSTK	34.473.099	68.536.394	
	+ Khai thác CB và KD gỗ cao su		94.311.494	
	+ Khai thác và KD mủ cao su	140.731.340	123.429.237	
	+ SX và Kinh doanh khác	20.829.204	19.437.545	
2	Giá vốn hàng bán	167.135.316	281.691.982	
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.898.327	24.022.689	120,3%
4	DT hoạt động tài chính	9.848.085	16.662.399	
5	Chi phí tài chính	10.131.070	17.716.258	
6	CP bán hàng	1.134	537.530	
7	CP quản lý doanh nghiệp	9.708.931	8.845.887	
8	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD [3+4-5-6-7]	18.905.276	13.585.412	
9	Thu nhập khác	5.541.810	7.856.394	
10	Chi phí khác	6.335.335	5.297.374	
11	Lợi nhuận khác (9-10)	(793.524)	2.559.020	
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (8+11)	18.111.751	16.144.432	112,2%
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.767.269	3.569.031	
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN (12-13)	14.344.482	12.575.401	114,1%

III/ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024:

	TÀI SẢN	Số tại 31/12/2024	Số tại 01/01/2024
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	327.704.794	424.259.922
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.531.820	4.312.036
1	Tiền	3.531.820	4.312.036
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	462.681	462.681
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	462.681	462.681
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	301.266.567	374.294.267
1	Phải thu khách hàng	28.618.008	35.619.340
2	Trả trước cho người bán	34.485.977	98.862.700
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	185.240.000	173.110.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	55.419.614	69.199.260
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(2.497.033)	(2.497.033)

	TÀI SẢN	Số tại 31/12/2024	Số tại 01/01/2024
VI	Hàng tồn kho	22.424.851	44.612.983
1	Hàng tồn kho	22.424.851	44.612.983
V	Tài sản ngắn hạn khác	18.875	577.954
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		
2	Thuế GTGT được khấu trừ	18.875	577.954
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
4	Tài sản ngắn hạn khác		
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	242.413.470	244.125.318
I	Các khoản phải thu dài hạn	0	200.746
1	Phải thu dài hạn khác		200.746
II	Tài sản cố định	45.913.667	47.168.670
1	Tài sản cố định hữu hình	45.913.667	47.168.670
	- Nguyên giá	74.656.137	70.613.900
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(28.742.470)	(23.445.230)
2	Tài sản cố định thuê tài chính		
3	Tài sản cố định vô hình		
III	Tài sản dở dang dài hạn:	19.377.337	19.131.797
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.377.337	19.131.797
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	176.645.350	176.645.350
1	Đầu tư vào công ty con	176.645.350	176.645.350
V	Tài sản dài hạn khác	477.116	978.756
1	Chi phí trả trước dài hạn	477.116	978.756
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	570.118.264	668.385.240

	NGUỒN VỐN	Số tại 31/12/2024	Số tại 01/01/2024
C	NỢ PHẢI TRẢ	260.305.682	372.299.878
I	Nợ ngắn hạn	226.446.602	326.349.861
1	Phải trả người bán	32.757.794	39.825.886
2	Người mua trả tiền trước	13.182.381	11.132.928
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.569.180	5.418.747
4	Phải trả người lao động	382.111	29.315
5	Chi phí phải trả		
6	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	46.914.324	108.578.707
7	Vay và nợ thu tài chính ngắn hạn	127.640.812	161.364.277
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
II	Nợ dài hạn	33.859.081	45.950.018
1	Doanh thu chưa thực hiện		
2	Phải trả dài hạn khác	33.137.481	45.834.018
3	Vay và nợ dài hạn	721.600	116.000
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	309.812.581	296.085.362
I	Vốn chủ sở hữu	309.812.581	296.085.362
1	Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000	180.000.000

	NGUỒN VỐN	Số tại 31/12/2024	Số tại 01/01/2024	
2	Thặng dư vốn cổ phần	36.146.615	36.146.615	
3	Vốn khác của chủ sở hữu	3.675.147	3.675.147	
4	Quỹ đầu tư phát triển	18.543.168	18.543.168	
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	71.447.651	57.720.431	
	- LNST chưa phân phối năm trước	57.103.169	45.294.016	
	- LNST chưa phân phối năm nay	14.344.482	12.426.415	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	570.118.264	668.385.240	

IV/ Các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong thuyết minh báo cáo tài chính :

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	ĐVT
1	Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	- Tài sản cố định / Tổng tài sản	8,1%	7,1%	%
	- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	57,5%	63,5%	%
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	45,7%	55,7%	%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	54,3%	44,3%	%
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	0,4	0,5	lần
2.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	0,6	0,6	lần
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	0,0	0,0	lần
3	Tỷ suất sinh lời			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	9,2%	5,3%	%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	7,3%	4,1%	%
3.2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	3,18%	2,42%	%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	2,52%	1,88%	%
3.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / nguồn vốn CSH	4,63%	4,25%	%

Ngày tháng 4 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trường An